

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG HOA KỲ



12.2018

I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên nước	Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ (United States of America)
Thủ đô	Washington D.C
Quốc khánh	4/7 (giành độc lập từ Vương quốc Anh năm 1776)
Diện tích	9.833.517 km ²
Dân số	329.256.465 (dự kiến 7/2018), trong đó da đen 12,6%, da trắng 72,4%, gốc châu Á 4,8%, thổ dân da đỏ và Alaska 0,9%, thổ dân Hawaii và các hòn đảo ở Thái Bình Dương thuộc Hoa Kỳ 0,2%, các nhóm khác 6,2%.
Khu vực hành chính	50 tiểu bang và đặc khu Colombia (tức thủ đô Washington)
Các thành phố lớn	Washington D.C; New York; Los Angeles; San Francisco; Chicago; Boston; Philadelphia; Houston; Seattle; Miami
Khí hậu	Hầu hết khí hậu ôn hòa nhưng ở Hawaii và Florida thì khí hậu nhiệt đới và giá rét ở Alaska
Ngôn ngữ	tiếng Anh 78.2%, Tây Ban Nha 13.4 %, Trung Quốc 1.1%, ngôn ngữ khác 7.3% (2017)
Tôn giáo	Công giáo 20.8%, Tin lành 46.5%, đạo khác 31.1%, đạo phật 0,7%, hồi giáo 0,9%



Đơn vị tiền tệ	Đôla Mỹ (1 USD = 23.250 VNĐ, 2/2019)
Múi giờ	GMT – 5 (bờ Đông); GMT – 8 (bờ Tây)
Thế chế	Cộng hoà Liên bang
Tổng thống	Donald J. TRUMP (TTh thứ 45, nhậm chức ngày 20/1/2017). Tổng thống là nguyên thủ quốc gia, đứng đầu Chính phủ và là Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang. Tổng thống có quyền phủ quyết các điều luật do Quốc hội thông qua và để đảo ngược quyền phủ quyết của Tổng thống cần 2/3 số phiếu của cả 2 viện của Quốc hội. Nhiệm kỳ Tổng thống dài 4 năm. Kể từ 1951, mỗi Tổng thống chỉ được cầm quyền tối đa 2 nhiệm kỳ. Tổng thống có quyền bổ nhiệm và bãi miễn các Bộ trưởng nhưng phải được sự đồng ý của Thượng viện
Chính phủ	<p>Hoa Kỳ là một nước Cộng hoà Liên bang. Nhà nước Hoa Kỳ được tổ chức theo cơ chế tam quyền phân lập: quyền lập pháp thuộc về Quốc hội, quyền hành pháp thuộc về Tổng thống và quyền tư pháp thuộc về Toà án tối cao. Ba cơ quan nhà nước liên bang của Hoa Kỳ hoạt động trên nguyên tắc ‘kiểm soát và cân bằng’ lẫn nhau.</p> <p>Các bang của Hoa Kỳ có Hiến pháp và pháp luật riêng, nhưng không trái với Hiến pháp Liên bang.</p>
Thế chế Nhà nước, Đảng và đoàn thể	Quốc hội Hoa Kỳ bao gồm Thượng viện và Hạ viện. Thượng viện có 100 Thượng nghị sĩ, phân bổ đều cho 50 bang (mỗi bang 2 Thượng nghị sĩ), nhiệm kỳ 6 năm. Phó Tổng thống giữ chức danh Chủ tịch Thượng viện, và chỉ có quyền bỏ phiếu quyết định trong tình huống bất phân thắng bại (50/50). Hạ viện có 435 Hạ nghị sĩ, mỗi bang có ít nhất một Hạ nghị sĩ, số còn lại được phân bổ căn cứ số dân của từng bang. Các Hạ nghị sĩ có nhiệm kỳ 2 năm. Vào các năm chẵn, ngày Thứ Ba đầu tiên của tháng 11 sẽ tiến hành bầu cử Quốc hội, bầu lại toàn bộ Hạ viện và 1/3 Thượng viện. Kết quả bầu cử lưỡng viện Mỹ ngày 2/11/2010 như sau: Thượng viện: 51 Thượng nghị sĩ đảng Dân chủ, 47 Thượng nghị sĩ đảng Cộng hòa và 02 thượng nghị sĩ độc lập. Hạ viện: đảng Dân chủ chiếm 192 ghế và đảng Cộng hòa chiếm 243 ghế.

2. Lịch sử

Năm 1492, Christopher Columbus phát hiện Châu Mỹ. Năm 1607, Anh bắt đầu đặt chân lên Châu Mỹ và lập hệ thống thuộc địa ở hầu hết lãnh thổ Bắc Mỹ. Các nước Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan chiếm các vùng còn lại. Năm 1775, cuộc đấu tranh giành độc lập nổ ra. Ngày 4/7/1776, các nhà cách mạng Mỹ công bố "Tuyên ngôn Độc lập", tách Mỹ khỏi đế quốc Anh, thành lập Hợp chủng quốc Hoa Kỳ gồm 13 bang.

Năm 1783, Anh ký Hiệp định Versailles thừa nhận nền độc lập của nước Mỹ. Ngày 7/9/1787, Hiến pháp Liên bang đầu tiên của Mỹ được thông qua và đến 4/3/1789 có hiệu lực. George Washington được bầu là tổng thống đầu tiên của nước Mỹ. Sau khi giành được độc lập Mỹ liên tục mở rộng lãnh thổ về hướng tây, từ 13 bang ban đầu phát triển thành 50 bang như hiện nay.



Năm 1861-1865 xảy ra nội chiến Mỹ. Sau cuộc nội chiến Mỹ trở nên mạnh hơn do thống nhất được lực lượng giữa hai miền Nam và Bắc. Đến cuối thế kỷ 19, Mỹ trở thành một trong các cường quốc hàng đầu trên thế giới và sau Chiến tranh thế giới II Mỹ trở thành một siêu cường.

3. Đường lối đối ngoại

Khác với chính sách đối ngoại đơn phương của cựu tổng thống Mỹ Bush trước đó hay chính sách đối ngoại đa phương của tổng thống tiền nhiệm Obama, Tổng thống đời thứ 45 của Hoa Kỳ theo đuổi chính sách đối ngoại thúc đẩy quan hệ song phương với mục tiêu tập trung thúc đẩy lợi ích quốc gia cốt lõi của Hoa Kỳ.

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan

Theo đúng chủ trương chính sách của Tổng thống Donald Trump tập trung vào việc thúc đẩy lợi ích quốc gia cốt lõi của Hoa Kỳ, gia tăng bảo vệ lợi ích của các doanh nghiệp và người dân Hoa Kỳ, vào tháng 12 năm 2017, Quốc hội đã thông qua và Tổng thống Donald TRUMP đã ký Đạo luật cắt giảm thuế và việc làm, trong số các điều khoản khác nhau, giảm thuế suất thuế doanh nghiệp từ 35% xuống 21%; giảm thuế suất cá nhân cho những người có thu nhập cao nhất từ 39,6% xuống 37% và tỷ lệ thấp hơn cho những người có mức thu nhập thấp hơn; thay đổi nhiều khoản khấu trừ và tín dụng được sử dụng để tính thu nhập chịu thuế. Các loại thuế mới có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2018; Ủy ban hỗn hợp về thuế (JCT) thuộc Văn phòng Ngân sách Quốc hội ước tính rằng luật mới sẽ giảm doanh thu thuế và tăng thâm hụt liên bang khoảng 1,45 nghìn tỷ đô la trong giai đoạn 2018-2027. Số tiền này sẽ giảm nếu tăng trưởng kinh tế vượt quá ước tính của JCT. Tập trung vào mục tiêu thúc đẩy lợi ích cốt lõi quốc gia của Mỹ, tổng thống Donald Trump cũng đã hủy bỏ tham gia vào một số hiệp định mậu dịch trong đó có TPP.

2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:

Dịch vụ: Ngành dịch vụ của Hoa Kỳ bao gồm ngân hàng, bất động sản, khách sạn và kế toán chiếm hơn 80% các hoạt động kinh tế của Hoa Kỳ. Một số loại dịch vụ khác là bán buôn và bán lẻ, giao thông vận tải, chăm sóc y tế, pháp luật, khoa học, dịch vụ quản lý, giáo dục, nghệ thuật, giải trí, tiêu khiển, khách sạn và dịch vụ chỗ ở, nhà hàng, quầy rượu và các dịch vụ khác về thực phẩm và đồ uống.

Ngành Dịch vụ tài chính của Hoa Kỳ phát triển đứng đầu thế giới. Trong đó phải kể đến sàn giao dịch chứng khoán NewYork được đặt tại thành phố NewYork là sàn giao dịch lớn nhất thế giới tính về giá trị giao dịch.

Công nghiệp: chiếm 19.1% các hoạt động kinh tế của Hoa Kỳ. Các ngành công nghiệp chính của Hoa Kỳ hiện nay bao gồm: dầu lửa, sắt thép, ô tô, hàng không, viễn thông, hóa chất, điện tử, chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng, khai thác gỗ, khai khoáng. Các ngành chế tạo hàng không, điện tử, tin học, nguyên tử, vũ trụ, hóa chất là những ngành công nghiệp mũi nhọn của Hoa Kỳ.

Nông nghiệp : chiếm 0.9 % các hoạt động kinh tế của Hoa Kỳ. Mặc dù hiện nay, nông nghiệp chỉ chiếm một phần nhỏ trong GDP nhưng các trang trại vẫn duy trì được sức mạnh kinh tế và chính trị của mình.

Lương thực được sản xuất ra rất an toàn, có chất lượng cao, phong phú và giá cả phải chăng. Nền nông nghiệp Hoa Kỳ cũng đạt được sự dồi dào và đa dạng nhất trên thế giới. Các sản phẩm nông nghiệp chính của Hoa Kỳ gồm lúa mì, các loại ngũ cốc khác, ngô, hoa quả, bông, thịt bò, thịt lợn, gia cầm, sản phẩm sữa, lâm sản, cá.



3. Các chỉ số kinh tế

	2014	2015	2016	2017	2018
GDP (ppp)	17,42 nghìn tỷ USD	18,77 nghìn tỷ USD	19,06 nghìn tỷ USD	19,49 nghìn tỷ USD	20,3 nghìn tỷ USD (dự kiến)
Tăng trưởng GDP	2,4%	2,6%	1,6%	2,2%	3,4% (dự kiến quý 3/2018)
GDP theo đầu người	54.800 USD	56.300 USD	58.900 USD	58.800 USD	62.517 USD (dự kiến)
GDP theo ngành (2017)	Nông nghiệp: 0,9% - Công nghiệp: 19,1% - Dịch vụ: 80%				
Lực lượng lao động	156 triệu	156.4 triệu	158,6 triệu	160,4 triệu	
Tỷ lệ thất nghiệp	6,2%	5,2%	4,9%	4,4%	
Tỷ lệ lạm phát	1,6%	0,2%	1,3%	2,1%	
Kim ngạch xuất khẩu (USD)	1.610 tỷ	1.610 tỷ	1.456 tỷ	1.553 tỷ	
Mặt hàng chính	nông sản (đậu nành, trái cây, ngô) 9,2%, vật tư công nghiệp (hóa chất hữu cơ) 26,8%, hàng hóa vốn (bóng bán dẫn, máy bay, phụ tùng xe cơ giới, máy tính, thiết bị viễn thông) 49,0%, hàng tiêu dùng (ô tô, thuốc) 15,0%				
Các bạn hàng chính (2017)	Canada 18,3%, Mexico 15,7%, Trung Quốc 8,4%, Nhật Bản 4,4% (2017)				
Kim ngạch nhập khẩu (USD)	2.334 tỷ	2.347 tỷ	2.206 tỷ	2.361 tỷ	
Mặt hàng chính	sản phẩm nông nghiệp 4,9%, nguyên liệu công nghiệp 32,9%(dầu thô 8,2%), tư bản phẩm 30,4% (máy vi tính, thiết bị viễn thông, linh kiện ô tô, máy văn phòng), hàng tiêu dùng 31,8% (ô tô, quần áo, dược, đồ nội thất, đồ chơi)				
Các bạn hàng chính (2013)	Trung Quốc 21,6%, Mexico 13,4%, Canada 12,8%, Nhật Bản 5,8%, Đức 5% (2017)				

III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

Việt Nam và Hoa Kỳ thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 12/7/1995, trao đổi Đại sứ đầu tiên vào tháng 7/1997, mở Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco vào tháng 11/1997. Năm 2015, hai nước tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Hoa Kỳ



Các chuyến thăm cấp cao gần đây

Quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ ngày càng được tăng cường và phát triển trên nhiều mặt. Hai bên đã trao đổi nhiều đoàn cấp cao.

Về phía Việt Nam

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (7/2015), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng (9/2015), Thường trực Ban Bí thư Đinh Thế Huynh (10/2016), Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh (4/2017), Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (5/2017), Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ (tháng 6/2018), Phó Chủ tịch Quốc hội Đỗ Bá Tỵ (7/2018).

Phía Hoa Kỳ cũng cử nhiều đoàn cấp cao thăm Việt Nam:

Bộ trưởng Quốc phòng Carter (6/2015), Tổng thống Obama (5/2016, chính thức dỡ bỏ cấm vận vũ khí sát thương đối với Việt Nam), Ngoại trưởng John Kerry (1/2017), Tổng thống Donald Trump (11/2017: tham dự Hội nghị cấp cao APEC), Bộ trưởng Quốc phòng James Mattis (03/2018), Ngoại trưởng Mike Pompeo (7/2018)

IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM

1. Hợp tác thương mại

Hoa Kỳ đã trở thành một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Kim ngạch thương mại Việt Nam và Hoa Kỳ tăng trưởng liên tục ở mức 20% trong những năm gần đây, đạt trên 60 tỷ USD năm 2018, trong đó Việt Nam tiếp tục xuất siêu gần 35 tỷ USD; Hoa Kỳ tuy nhập siêu song tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang Việt Nam tăng nhanh ở mức 77% (gấp 4 lần tốc độ tăng của Việt Nam), xuất siêu về dịch vụ.

Việt Nam xuất sang Mỹ các mặt hàng thủy sản, dệt may, giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ, máy vi tính, sản phẩm điện tử, linh kiện và nông sản; và nhập từ Mỹ các mặt hàng gồm máy vi tính, sản phẩm linh kiện điện tử, bông các loại, thức ăn gia súc, thiết bị, máy móc, dụng cụ, phụ tùng. Dưới Chính quyền Trump, vấn đề thâm hụt thương mại được coi là ưu tiên cao. Việt Nam đang tích cực phối hợp với Mỹ để tăng nhập khẩu hàng hóa từ Mỹ.

Trong nhiều năm qua, hàng dệt may vẫn là ngành hàng dẫn đầu về xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ. Ngoài ra, các mặt hàng như điện thoại các loại và linh kiện, gỗ và sản phẩm của gỗ, hàng thủy sản, giày dép các loại cũng là những mặt hàng chủ lực, đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ.

Năm 2018 Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với 47,5 tỷ USD tăng 14,26% so với năm 2017, và là thị trường mà Việt Nam đạt thặng dư thương mại lớn nhất với 34,72 tỷ USD. Hàng hóa xuất khẩu chủ yếu sang Hoa Kỳ là hàng dệt may với trị giá gần 13,7 tỷ USD tăng 11,61% và chiếm 28,82% trị giá hàng hóa xuất khẩu sang thị trường này, tiếp theo là giày dép các loại với trị giá gần 6 tỷ USD tăng 13,9%, máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng khác cũng đạt 3,4 tỷ USD, tăng 40,34% so với năm 2017,...

Kim ngạch XNK giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong những năm vừa qua

Đơn vị: tỷ USD

<i>Năm</i>	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
------------	------	------	------	------	------	------	------



VN XK	19,667	23,869	28,655	33,479	38,464	41,591	47,525
VN NK	4,827	5,231	6,284	7,795	8,708	9,348	12,753
Tổng XNK	24,494	29,100	34,939	41,275	47,172	50,939	60,287

Nguồn: Tổng Cục Hải quan

Top 10 mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ

Đơn vị: USD

STT	Mặt hàng xuất khẩu	2017	2018	% tăng trưởng 2017 - 2018
1.	Hàng dệt,may	12.274.623.405	13.699.583.967	11,61%
2.	Giày dép các loại	5.112.503.447	5.823.371.892	13,9%
3.	Gỗ và sản phẩm gỗ	3.266.976.557	3.897.258.597	19,29%
4.	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	3.438.568.698	2.863.931.094	-16,71%
5.	Hàng thủy sản	1.406.051.414	1.626.817.667	15,70%
6.	Điện thoại các loại và linh kiện	3.702.983.421	5.411.172.714	46,13%
7.	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	2.426.712.453	3.405.643.361	40,34%
8.	Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	1.336.989.123	1.321.206.937	-1,18%
9.	Hạt điều	1.219.225.528	1.210.661.214	-0,7%
10	Phương tiện vận tải và phụ tùng	1.182.209.060	1.320.742.347	11,72%

Nguồn: Tổng Cục Hải quan

Top 10 mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Hoa Kỳ

Đơn vị: USD

STT	Mặt hàng nhập khẩu	2017	2018	% tăng trưởng 2017-2018
1.	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.784.417.088	3.050.829.935	9,57%
2.	Bông các loại	1.178.822.080	1.469.104.484	24,62%
3.	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	280.540.846	681.530.602	142,93%
4.	Đậu tương	330.838.808	546.646.272	65,23%
5.	Chất dẻo nguyên liệu	249.481.975	448.481.528	79,77%
6.	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	356.023.517	412.835.617	15,96%
7.	Sản phẩm hóa chất	284.516.525	319.787.371	12,40%
8.	Gỗ và sản phẩm gỗ	255.638.168	317.065.387	24,03%
9.	Sữa và sản phẩm sữa	80.443.796	121.872.565	51,5%

Nguồn: Tổng Cục Hải quan

2. Hợp tác đầu tư

Tính đến ngày 20/12/2018, Hoa Kỳ đã đầu tư HƠN 9,3 tỷ USD vào Việt Nam với 900 dự án còn hiệu lực, xếp vị trí thứ 11 trong danh sách 130 nước và vùng lãnh thổ có đầu tư FDI vào Việt Nam, đồng thời xếp thứ 9/68 quốc gia tiếp nhận FDI của Việt Nam với 147 dự án đầu tư có tổng vốn đăng ký 571,38 triệu USD. Nhiều tập đoàn lớn của Hoa Kỳ như Intel, General Electric, Microsoft, AIG, Coca-Cola, Chevron... đã có các khoản đầu tư lớn tại Việt Nam và hoạt động hiệu quả trong nhiều năm qua.

Hiện các nhà đầu tư Mỹ đã có mặt tại 42/63 địa phương của cả nước, nhưng chủ yếu tập trung tại các thành phố và địa phương lớn nơi có điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi và khu vực phát triển kinh tế năng động như Bà Rịa – Vũng Tàu, TP. HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Hà Nội, Hải Phòng.

Về cơ cấu ngành: đến nay, các nhà đầu tư Hoa Kỳ đã đầu tư vào 17/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân. Trong đó vốn đầu tư tập trung vào lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống với 17 dự án, tổng số vốn đăng ký xấp xỉ 4,68 tỷ USD (chiếm 42,3% tổng vốn đăng ký của Hoa Kỳ tại Việt Nam). Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu về tổng số dự án với 323 dự án, tổng số vốn đăng ký đứng thứ hai đạt 2,24 tỷ USD (chiếm 20,3% tổng vốn đăng ký của Hoa Kỳ tại Việt Nam). Còn lại là một số lĩnh vực khác.

Về hình thức đầu tư: số liệu thống kê cho thấy, khi đầu tư vào Việt Nam, các nhà đầu tư Hoa Kỳ đa số lựa chọn hình thức 100% vốn nước ngoài.